**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**KHTN8**

**Chương VII: SINH HỌC co THẺ NGƯỜĨ**

**BÀI 37: HỆ THẦN KINH VÀ CÁC GIÁC QUAN Ỏ NGƯỜI**

**Môn học: Khoa học tự nhiên lóp 8 Thời gian thực hiện: 03 tiết**

1. **MỤC TIÊU**
2. về **kiến thức**

* Nêu được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh; nêu được chức năng của các giác quan, giác quan thị giác và thính giác.
* Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng chống bệnh đó.
* Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh; không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.
* Kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng; liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.
* Kể tên được các bộ phận của tai và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh; liên hệ được cơ chế chuyển âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.
* Trình bày được một số bệnh về thị giác, thính giác, cách phòng chống các bệnh đó; vận dụng để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.
* Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học, tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.

1. **về năng lực**
2. Năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Chủ động, tự tìm hiểu về hệ thần kinh và các giác quan của cơ thể người.

* Giao tiếp và hợp tác:

+ Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về hệ hô hấp.

+ Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV trong khi thảo luận về hệ thần kinh và các giác quan,, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để thảo luận hiệu quả, giải quyết các vấn đề trong bài học và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

1. Năng lực khoa học tự nhiên

* Nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh; nêu được chức năng của các giác quan, giác quan thị giác và thính giác.

+ Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng chống bệnh đó.

+ Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh; không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.

+ Kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng; liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.

* Kể tên được các bộ phận của tai và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh; liên hệ được cơ chế chuyển âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.
* Trình bày được một số bệnh về thị giác, thính giác, cách phòng chống các bệnh đó.
* Tìm hiểu tự nhiên:

+ Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học, tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.

* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức về hệ thần kinh và các giác quan như thị giác, thính giác để bảo vệ sức khỏe.

1. **về phẩm chất**

* Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
* Cẩn thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong chủ đế bài học.
* Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

1. **THIÉT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Các hình ảnh theo sách giáo khoa;
* Máy chiếu, bảng nhóm;
* Video tư liệu:

+ Cấu tạo và hoạt động của mắt: <https://www.voutube.com/watch?v=zcOrOoMBQug> + Hoạt động của mắt và các tật ở mắt: <https://www.youtube.com/watch?v=d6GFvkQtTds>

+ Cơ chế truyền sóng âm qua tai: <https://www.voutube.com/watch?v=TJ4-R9Kitzk>

* Phiếu học tập:

**PHTỂƯ HỌC TẬP SÓ 1**

Nghiên cứu thông tin tư liệu tại các góc, thảo luận nhóm hoàn thành nội dung bảng sau:

Một số bệnh về hệ thần kinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên  bệnh | Nguyên nhân chủ  yếu | Một số triệu chứng thưòng gặp | Đề xuất biện pháp phòng tránh |
| Bệnh  Parkinson |  |  |  |
| Bệnh động kinh |  |  |  |
| Bệnh  Alzheimer |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Theo dõi video, kết hợp thông tin SGK, thảo ỉuận cặp đôi hoàn thành các bài tập sau:

1. Cấu tạo và chức năng của mắt:
2. Thị giác bao gồm mắt, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở não bộ. Hãy cho biết thị giác có chức năng gì?
3. Quá trình thu nhận ánh sáng của mắt: Em hãy vẽ đường đi của ánh sáng từ vật đến mắt trong trường họp sau và giải thích quá trình thu nhận ánh sáng ở mắt.

Thể mi Dây chang treo

(Màng lưới)

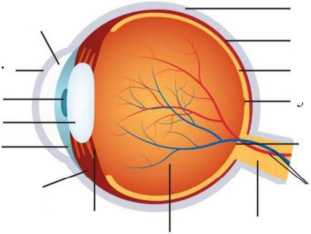
Thủy dịch

1

2

3

Mống mẳt (lòng đen)



Mạch máu Dây thần kinh thị giác

Màng cứng Màng mạch 4

Điểm mù

Dịch thuỷ tinh (dịch kính)

b. Hoàn thành các chú thích còn thiếu trong sơ đồ cấu tạo trong của mắt dưới đây:

**ỉ**

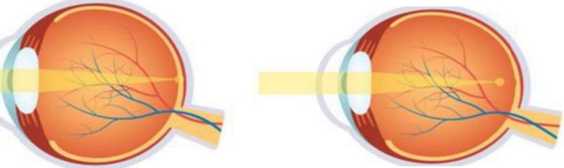
3. Một số bệnh và tật ỏ’mắt:

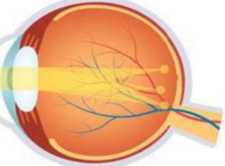
a. Hoàn thành thông tin còn thiếu trong bảng dưới đây để phân biệt một số tật thường gặp ở mắt:

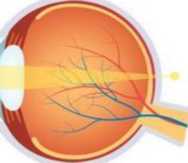
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tật của măt | Biểu hiện đặc trưng | Nguyên nhân chủ yêu | Cách khăc phục |
| Tật cận thị | Măt chỉ nhìn rõ các  vât ở  Nhìn mờ | Tia sáng hôi tu  võng mac | Đeo kính |
| Tật viễn thị | Măt chỉ nhìn rõ các  vât ở  Nhìn mờ | Tia sáng hôi tu  võng mac | Đeo kính |
| Tật loạn thị | Nhìn ở  mọi khoảng cách | Tia sáng đi vào măt  ở | Đeo kính |

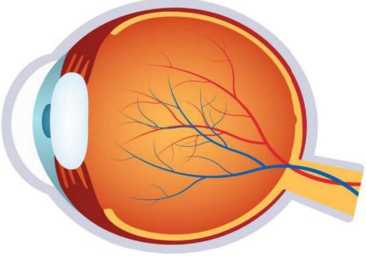
b. Hãy xác

định mắt bình thường và mắt mắc các tật tmg hình dưới đây









4. Bảo vệ mắt: Em hãy đề xuất các biện phép bảo vệ mắt để có đôi mắt khỏe mạnh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Theo dõi vỉdeo, kết hợp thông tin SGK, thảo luận cặp đôi hoàn thành các bài tập sau:

1. Cấu tạo và chức năng của thính giác:
2. Thính giác bao gồm tai, dây thần kinh thính giác và vùng thính giác ở não bộ. Hãy cho biết thính giác có chức năng gì?
3. Quá trình thu nhận sóng âm: Dựa vào video hãy sơ đồ hóa quá trình thu nhận sóng âm của tai

**3. Một số bệnh về tính giác:**

Dựa vào thông tin SGK, hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bệnh về thính giác | Biểu hiện | Nguyên nhân chủ  yếu | Biện pháp phòng tránh |
| Bệnh viêm tai giữa |  |  |  |
| Bệnh ù tai |  |  | - |

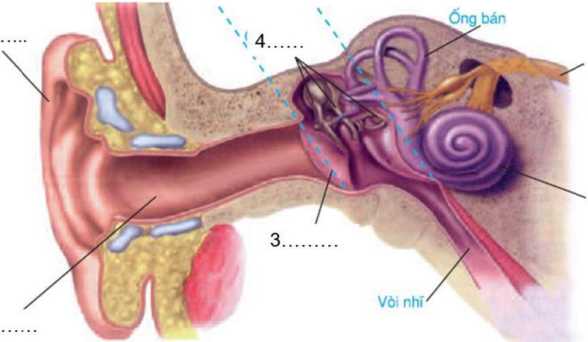
Dây thần kinh SỐ VUI

' Tai giữa x

Tai trong

Tai ngoài

khuyên



1. Hoàn thành các chú thích còn thiếu trong sơ đồ cấu tạo trong của mắt dưới đây:

**IU. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **PHƯƠNG PHÁP VÀ Kl THUẬT DẠY HỌC**

* Dạy học theo nhóm, nhóm cặp đôi.
* Phương pháp trực quan.
* Kĩ thuật sử dụng phương tiện trực quan, phân tích video.
* Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua câu hỏi trong SGK.

1. **KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC**

**Hoạt động: Khỏi động (10 phút)**

1. Mục tiêu: Dan dắt giới thiệu vấn đề, để học sinh biết về hệ thần kinh và các giác quan của người.
2. Nội dung: Tổ chức trò chơi để gợi mở về vấn đề bài học.
3. Sản phẩm: Học sinh bước đầu nêu suy nghĩ của bản thân và có hướng điều chỉnh đúng trong quá trình học.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| GV tổ chức trò chơi: sắc màu diệu kì  + Tổ chức 2 đội chơi: mỗi đội 3 thành viên.  + GV chuẩn bị các mẩu giấy màu bên trong mang các yêu cầu nhất định, mỗi đội sẽ bốc thăm lần lượt các mẩu giấy màu và thức hiện các yêu cầu bên trong trong vòng 1 phút, nếu thực hiện đúng 1 nhiệm vụ được 10 điềm, nhóm nhiều điểm nhất sẽ thắng.  + Mỗi đội có 3 lượt chơi.  + HS dưới lớp làm trọng tài.  + Các yêu cầu trong mẩu giấy màu có thể là: hát 3 câu trong bài hát lóp mới học gần đây, giả tiếng mèo kêu, giả tiếng chim hót, tiếng gà gáy....  Sau trò chơi, GV đặt câu hỏi có vấn đề:  Tại sao chúng ta có thể nhìn thấy màu sắc của các mẩu giấy và nghe được ầm thanh của các bạn tham gia trò choi? | Học sinh chú ý quan sát và lắng nghe hướng dẫn. |
| Giao nhiệm vụ: Các nhóm cử đại diện tham gia. | Nhận nhiệm vụ |
| Hướng dẫn HS thực hiện nhỉệm vụ  Quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ |

|  |  |
| --- | --- |
| Báo cáo kết quả:  Yêu cầu đại diện 1 số HS nêu ý kiến về câu hỏi đặt vấn đề. | Đại diện 1 số HS phát biểu cảm nhận |
| Chốt lại và đặt vấn đề vào bài |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh (7 phút)**

1. **Mục tiêu:**

* Nêu được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh.

1. Nội dung: GV yêu cầu HS quan sát hình 37.1 về cấu tạo hệ thần kinh, kết hợp thông tin SGK trả lời câu hỏi:
2. Hệ thần kinh ở người có chức năng là gì?
3. Mô tả trên tranh cấu tạo của hệ thần kinh?
4. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.
5. Hệ thần kinh ở người có chức năng điều khiển, điều hòa và phối họp hoạt động của các cơ quan trong cơ thể tạo thành thể thống nhất.
6. Cấu tạo của hệ thần kinh:

* Dạng hình ống, rất phát triển.
* Cấu tạo gồm:

+ Bộ phân trung ương: Não, tủy sống.

+ Bộ phận ngoại biên: Dây thần kinh và hạch thần kinh.

(HS xác định được trên tranh chính xác vị trí từng bộ phận)

1. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV chiếu hình ảnh về cấu tạo hệ thần kinh, yêu cầu HS quan sát, kết hợp thông tin SGK trả lời câu hỏi:   1. Hệ thần kinh ở người có chức năng là gì? 2. Mô tả trên tranh cấu tạo của hệ thần kinh? | HS nhận nhiệm vụ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Náo  ĩưỷsống  Hạch thán kính  ộ iWị)Vi ị  Dây thán kinh  ở người |  |
| Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ  Cá nhân học sinh nghiên cứu thông tin SGK, quan sát tranh hình thực hiện nhiệm vụ. | Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. |
| Báo cáo kết quả:  Gv mời đại diện 1 số HS trả lời câu hỏi, mồ tả cấu tao của hệ thần kinh trên tranh. | Đại diện 1 số HS trình bày, các HS khác nhận xét. |
| Tông kêt   * Chức năng của hệ thần kinh ở người: điều khiển, điều hòa và phối hợp hoạt động của các cơ quan trong cơ thể tạo thành thể thống nhất. * Cấu tạo:   + Dạng hình ống, rất phát triển.  + Gồm: Bộ phân trung ương: Não, tủy sống.  và bộ phận ngoại biên: Dây thần kinh và hạch thần kinh. | Ghi nhớ kiến thức |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số bệnh về hệ thần kinh và các chất gây nghiện đối**

**với hệ thần kinh (20 phút)**

1. Mục tiêu: Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng chống bệnh đó.

* Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh; không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.

1. **Nội dung:**
2. Tổ chức hoạt động nhóm để hoàn thành PHT sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| mA  Tên  bệnh | Nguyên nhân chủ  yếu | Một số triệu chửng thường gặp | Đề xuất biện pháp phòng tránh |
| Bệnh  Parkinson |  |  |  |
| Bệnh động kinh |  |  |  |
| Bệnh  Alzheimer |  |  |  |
| 2. Yêu câu | :ỈS thảo luận trả lời câu hỏi vê chât gây nghiện đôi với hệ thân kinh: | | |

(?) Ke tên các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh mà em biết?

(?) Nghiện ma tủy gây ra những tệ nạn gì cho xã hội?

(?) Từ những hiểu biết về chất gây nghiện, em sẽ tuyên truyền điều gì đến người thân và mọi người xung quanh?

1. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

l.GợiýPHT:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên  bệnh | Nguyên nhân chủ  yếu | Một số dấu hiệu nhận biết | Đề xuất biện pháp phòng tránh |
| Bệnh  Parkinson | Tế bào thần kinh bị thoái hóa khi tuổi cao hoặc nhiễm độc thần kinh... | - Run tay, mất thăng bằng, khó khăn khi di chuyển. | * Bổ sung vitamin D, tắm năng, luyện tập TDTT và lao động hợp lí * Tránh môi trường độc hại... |
| Bệnh động kinh | - Do rối loạn hệ thần kinh trung ương do di truyền, chấn thương hoặc các bệnh về mỡ. | - Co giật, có hành vi bất thường.... | - Sống vui vẻ, luyện tập TDTT và ăn uống hợp lí. |
| Bệnh  Alzheimer | Do rối loạn thần kinh thường gặp ở người già | - Mất trì nhớ, giảm khả năng ngôn ngữ, lẩm cẩm, khả năng hoạt động kém. | - Thường xuyên đọc sách, ăn uống họp lí, tăng cường vận động. |

2. Câu trả lời dự kiến:

* Các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh như: nicotin trong thuốc lá, etanol trong rượu, các chất ma túy...
* Nghiện ma túy thường gây ra những tệ nạn: trộm cắp, cướp giật, lừa đảo, giết gười, mại dâm, băng nhóm ... để lấy tiền hút mua thuốc.
* Các hình thức và nội dung tuyên truyền cho người thân và nhũng người xung quanh: Thông qua tờ rơi hoặc tọa đàm tuyên truyền về các loại chất gây nghiện và tác hại của chúng đặc biệt là với lứa tuối học sinh; cách ứng phó với những dụ dỗ không lành mạnh của bạn bè... Tuyêt đối không thử, không sử dụng ma túy dù chỉ một lần.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| Giao nhiệm vụ:  - Giáo viên chia lóp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu các nhóm thảo luận, tìm hiếu về các bệnh thường gặp ở hệ thần kinh để hoàn thành PHT số 1.  + Thời gian: 5 phút.  - Sau khi các nhóm báo cáo sản phẩm hoạt động, GV nhấn mạnh hệ thần kinh có tể bị ảnh hưởng rất lớn bởi các chất kích thích và thói quen sinh hoạt không hợp lí. Yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi:  (?) Ke tên các chấl gây nghiện đoi với hệ thẩn kinh mà em biết?  (?) Nghiện ma tủy gây ra những tệ nạn gì cho xã hội?  (?) Từ những hiểu biết về chất gây nghiện, em sẽ tuyên truyền điều gì đến người thân và mọi người xung quanh? | HS nhận nhiệm vụ. |
| Hướng dẫn HS thực hiện nhỉệm vụ: GV quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần thiết. | Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. |
| Báo cáo kết quả:   * Mời đại diện các nhóm treo kết quả, nhóm trưởng đứng cạnh phiếu đáp án của nhóm, đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác kiểm tra nội dung trong phiếu nhóm mình nhận xét và bổ sung các ý còn thiếu. * GV mời đại diện 1 số học sinh báo cáo kết quả thảo luận về các chất gây nghiện. | * Đại diện 1 nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác đối chiếu, nhận xét, bổ sung. * HS tham gia trả lời câu hỏi. |
| Tổng kết:   * Các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh như: nicotin trong thuốc lá, etanol trong rượu, các chất ma túy... * Tuyệt đối không thử, không sử dụng ma túy dù chỉ một lần, xây dựng lối sống lành mạnh, không ăn chơi đua đòi để bảo vệ hệ thần kinh khỏi các chất gây nghiện có hại. | HS tìm hiểu sau khi học xong bài học. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu** về **giác quan thị giác (40 phút)**



Thể mi Mạch máu

Dây chằng treo I Dây th£n kinh thị giác

Dịch thuỳ tinh (dịch kính)

|  |  |
| --- | --- |
| 1  2 | í |
|  | ị |

3..

Mống mẳt (lòng đen) Điêm mù

1. Mục tiêu: Kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng; liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.

- Trình bày được một số bệnh về thị giác, cách phòng chống các bệnh đó; vận

dụng để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

1. Nội dung: GV tổ chức thảo luận nhóm cặp đôi, phân tích video để hoàn thành PHT số 2 về cơ quan phân tích thị giác.
2. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh \*Gợi ý đáp án PHT số 2

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

*Theo dõi video, kết hợp thông tin SGK, íhảo luận cặp đối hoàn thành các bài tập sau:*

**1. Cấu tạo và chức năng của mắt:**

1. Thị giác bao gồm mắt, dây thần kinh thị giác và vùng thị giác ở nẫo bộ. Hãy

cho biết thị giác có chức năng gì?

*Chức năng: quan sát, thu nhận hình ảnh, màu sắc của sự vật, hiện tượng, giúp ta nhận biết và xử lí thông tin.*

1. Hoàn thành các chú thích còn thiếu trong sơ đồ cấu tạo trong của mắt dưới đây:

Thủy dịch Mà°g cứnê

Màng mạch

4 (Màng lưới)

5.

1. Giác mạc
2. Đồng tử
3. Thể thủy tinh
4. Võng mạc
5. Điểm vàng

2. Quá trình thu nhận ánh sáng của mắt: Em hẵy vẽ đường đi của ánh sáng từ vật đến mắt trong trường họp sau và giải thích quá trình thu nhận ánh sáng ở mắt.

* Ánh sáng phản chiếu từ vật được khúc xạ qua giác mạc, thể thủy tinh tới

màng lưới, tác động lên các tế bào thụ cảm thị giác tạo thành các xung thần kinh truyền theo dây thần kinh thị giác tới não cho ta cảm nhận nhình ảnh của vật.

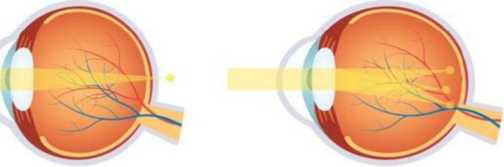
3. Một số bệnh và tật ở mắt:

a. Hoàn thành thông tin còn thiếu trong bảng dưới đây để phân biệt một số tật thường gặp ở mắt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tật của mắt | Biểu hiện đặc trưng | Nguyên nhân chủ yếu | Cách khắc phục |
| Tật cận thị | Măt chỉ nhìn rõ các vật ở gần Nhìn xa mờ | Tia sáng hội tụ phía trước võng mạc | Đeo kính phân kì (kính cận) |
| Tật viễn thị | Măt chỉ nhìn rõ các vật ở xa Nhìn gần mờ | Tia sáng hội tụ phía sau võng mạc | Đeo kính hội tụ (kính viễn) |
| Tật loạn thị | Nhìn mờ, nhòe ở mọi khoảng cách | Tia sáng đi vào mắt  hội tụ ở nhiều điểm | Đeo kính loạn (kính thuốc) |

b. Hãy xác định mắt bình thường và mắt mắc các tật tmg hình dưới đây

Bình thường Cận thị



Viễn thị Loạn thị

1. Bảo vệ mắt: Em hãy đề xuất các biện phép bảo vệ mắt để có đôi mắt khỏe mạnh.

* Dinh dưỡng hợp ỉỉ, ăn đủ chất, ưu tiên rau củ, trải cây cỏ màu cam, vàng, đỏ; ngũ cốc, cả biển...
* Cho mắt nghỉ ngơi sau môi 30p làm việc bằng cách nhìn vào vật ở xa, nhắm mắt thư giãn...
* Thiết kế bàn học, bàn làm việc họp lí...
* Đeo kính dầm có khả năng chống tỉa ƯV, giảm độ sảng chói...
* Vệ sinh mắt thường xuyên, khám mắt định kỳ...

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| Giao nhiệm vụ:  - GV phát phiếu học tập số 2 cho cá nhân học sinh, hướng dẫn nghiên cứu phiếu, chiếu video về cấu tạo, hoạt động của mắt và các tật của mắt, ycu cầu học sinh theo dõi vidco, kết hợp thông tin SGK để hoàn thành phiếu:  + Cá nhân HS theo dõi video 2 lần độc lập làm bài tập: 15 phút.  + Thảo luận cặp đôi thống nhất đáp án trong 3 phút. | HS nhận nhiệm vụ. |
| Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh tham gia theo yêu cầu. | Học sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ. |
| Báo cáo kêt quả: | - Học sinh báo cáo và |
| * Cho các bàn đổi kết quả với nhau, đưa ra tiêu chí đánh giá. * GV quay số gọi một số HS bất kì báo cáo 1 nội dung phiếu, các HS khác nhận xét và đánh giá điểm bài làm của bạn. * Sau khi HS báo cáo xong, giáo viên mở rộng và nhấn mạnh thêm về cấu tạo ngoài, cấu tạo trong, hoạt động và các tật, bệnh về mắt; lưu ý tầm quan trọng của mắt để HS biết cách chăm sóc, bảo vệ mắt. | đánh giá chéo sản phẩm  - Chú ý lắng nghe, ghi nhận. |
| Tổng kết  - Theo đáp án PHT. | Ghi nhớ kiến thức |

**Hoạt động 4: Tìm hỉểu về giác quan thính giác (35 phút)**

1. Mục tiêu: Kể tên được các bộ phận của tai và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh; liên hệ được cơ chế chuyển âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.

* Trình bày được một số bệnh về thính giác, cách phòng chống các bệnh đó; vận dụng để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình.

1. Nội dung: GV tổ chức thảo luận nhóm cặp đôi, phân tích video để hoàn thành PHT số 2 về cơ quan phân tích thị giác.
2. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh \*Gợi ý đáp án PHT số 2

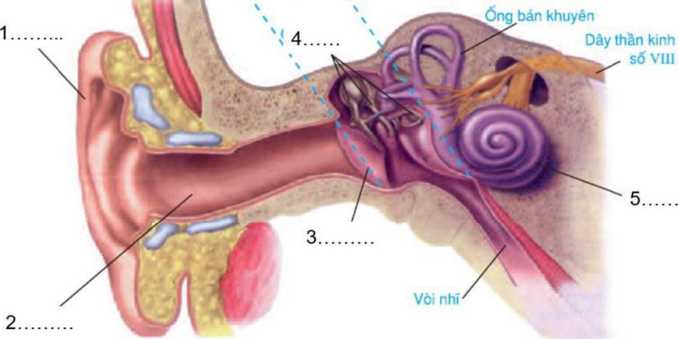
**PHIÉƯ HỌC TẬP SỐ 3**

Theo dõi vỉdeo, kết hợp thông tin SGK, thảo luận cặp đôi hoàn thành các bài tập sau:

1. Cấu tạo và chức năng của thính giác:
2. Thính giác bao gồm tai, dây thần kinh thính giác và vùng thính giác ở não bộ. Hãy cho biết thính giác có chức năng gì?

Chức năng: thu nhận âm thanh từ môi trường, truyền lên não xử lỉ giúp ta nhận biết được âm thanh.

1. Hoàn thành các chú thích còn thiếu trong sơ đồ cấu tạo trong của mắt dưới đây:



1. Vành tai
2. ống tai
3. Màng nhĩ
4. Chuỗi xương tai
5. Ốc tai
6. Quá trình thu nhận sóng âm: Dựa vào video hãy sơ đồ hóa quá trình thu nhận sóng âm của tai

* Sóng âm -> Vành tai -> Ồng tai -> Màng nhĩ-> Chuỗi xương tai -> màng của bầu -> rung màng và dịch trong ốc tai -> Cơ quan thụ cảm hưng phấn -> xung thần kinh theo dây thần kinh thính giác -> Vùng thỉnh giác ở não.

3. Một số bệnh về tính giác:

Dựa vào thông tin SGK, hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bệnh về thính giác | Biểu hiện | Nguyên nhân chủ  yếu | Biện pháp phòng tránh | |
| Bệnh viêm tai giữa | Đau tai, nhức đầu, suy giảm thính giác, có dịch chảy ra từ tai, sốt, đau họng... | Ước bẩn lọt vào tai, ráy tai bị nhiễm trùng, lạnh, biến chứng bệnh vùng tai, mũi họng... | - Giừ vệ sinh tai sạch sẽ, khô ráo; xử lí kịp thời cách bệnh vùng họng tránh để nặng gây biến chứng, ... | |
| Bệnh ù tai | Không nghe rõ âm thanh, luôn nghe thấy tiếng “ù ù” trong tai | Làm việc trong môi trưcmg tiếng ồn lớn, nghe bom, mìn nổ, ráy tai nhiều, thiếu máu não, dị vật trong tai... | - Tránh nơi có tiếng ồn quá lớn, tránh để dị vật, côn trùng vào tai, lấy ráy tai đúng cách... | |
| Hoạt động của GV | | | | Hoạt động của HS | |
| Giao nhiệm vụ:  - GV phát phiếu học tập số 3 cho cá nhân học sinh, hướng dẫn nghiên cứu phiếu, chiếu video về cấu tạo và nguyên lí truyền sóng âm, yêu cầu học sinh theo dõi video, kết họp thông tin SGK để hoàn thành phiếu:  + Cá nhân HS theo dõi video 2 lần độc lập làm bài tập: 10 phút.  + Thảo luận cặp đôi thống nhất đáp án trong 3 phút. | | | | HS nhận nhiệm vụ. | |
| Hưóng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh tham gia theo yêu cầu. | | | | Học sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ. | |
| Báo cáo kết quả:   * Cho các bàn đổi kết quả với nhau, đưa ra tiêu chí đánh giá. * GV quay số gọi một số HS bất kì báo cáo 1 nội dung phiếu, các HS khác nhận xét và đánh giá điểm bài làm của bạn. * Sau khi HS báo cáo xong, giáo viê lưu ý têm về cách chăm sóc, bảo vệ tai. | | | | - Học sinh báo cáo và đánh giá chéo sản phẩm  - Chú ý lắng nghe, ghi nhận. | |
| Tổng kết  - Theo đáp án PHT. | | | | Ghi nhớ kiến thức | |

**Hoạt động 5: Luyện tập (15 phút)**

1. Mục tiêu: Củng cố nội dụng toàn bộ bài học.
2. Nội dung: GV cho học sinh làm việc cá nhân và trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm.

* Tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

1. Sản phẩm: Câu trả lời của HS
2. **Tồ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| Giao nhiệm vụ:  - GV trình chiếu câu hỏi, học sinh sử dụng bảng A,B,C,D đế trả lời  Câu 1: Hệ thần kinh người bao gồm:   1. Tủy sống và tim mạch. 2. Bộ não và các cơ.   c. Bộ phận trung ương và ngoại biên. | HS nhận nhiệm vụ. |

|  |  |
| --- | --- |
| D. Tủy sông và hệ cơ xương. |  |
| Câu 2: Hệ thần kinh có chức năng |  |
| Ạ. điều khiển, điều hòa, phối hợp hoạt động các cơ quan |  |
| trong cơ thể. |  |
| B. giám sát các hoạt động, thông báo cho não bộ hoạt |  |
| động của các cơ quan trong cơ thể. |  |
| c. điều hòa nhiệt độ, tuần hoàn, tiêu hóa. |  |
| D. sản xuất tế bào thần kinh. |  |
| Câu 3: Cơ quan thuộc bộ phận thần kinh trung ương là |  |
| Ạ. não và tủy sống. |  |
| B. não và các dây thần kinh. |  |
| c. tủy sống và các dây thần kinh. |  |
| D. não và hạch thần kinh. |  |
| Câu 4: Ở hệ thần kinh người, thành phần nào dưới đây không |  |
| thuộc thần kinh ngoại biên? |  |
| A. Dây thần kinh vận động. |  |
| B. Dây thần kinh cảm giác. |  |
| C Tủy sống. |  |
| D. Hạch thần kinh. |  |
| Câu 5: Tủy sống nằm trong của cơ thể. |  |
| Cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trổng là |  |
| Ạ. ống xương sống. |  |
| B. hộp sọ. |  |
| c. ống các loại xương dài. |  |
| D. cột sống (phần cùng cụt). |  |
| Câu 6: Sản phẩm nào dưới đây không chứa chất gây nghiện? |  |
| A. Thuốc lá, rượu bia. |  |
| B. Ma túy, thuốc lắc, thuốc ngủ. |  |
| c. Cocain, Cocacola, heroin. |  |
| D. Nước ép rau củ. |  |
| Câu 7: Khi vào cơ thể, chất gây nghiện thường gây tác động |  |
| gây hưng phấn hê thần kinh, gây ảo giác. |  |
| Cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống là |  |
| A. ức chế B. kích thích c. cộng hưởng |  |
| Câu 8: Chúng ta nghe được tiếng hát là nhờ cơ quan |  |
| A. thị giác. B. thính giác. |  |
| c. vị giác. D. xúc giác. |  |
| Câu 9: Sắp xếp con đường đi đúng của ánh sáng từ vật đến tế |  |
| bào thụ cảm ánh sáng |  |
| (1) Đồng tử (2) Thủy tinh thể |  |
| (3) Giác mac (4) Võng mac |  |
| À. (1) —> (2) —> (3) —> (4) |  |
| B. (1) - (3) - (2) - (4) |  |
| (3) —> (1) —»(2) —»(4) |  |
| D. (3) —> (1) —> (4) —> (2) |  |
| Câu 10: Nội dung đúng khi nói vê phòng bệnh, tật vê măt là   1. thời gian ngủ phù hợp, đọc sách với khoảng cách gần 2. không sử dụng các thiết bị điện thử (ti vi, máy tính). 3. không dùng chung khăn mặt để tránh nhiễm khuẩn gây bệnh. 4. Nếu bị tật khúc xạ không nên đeo kính có độ.   Câu 11: Nhờ khả năng điều tiết của ... mà ta có thể nhìn rồ vật ở xa cũng như khi tiến lại gần.  Cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống là   1. thủy dịch R thủy tinh thể c. dịch thủy tinh D. giác mạc   Câu 12: Sắp xếp con đường truyền âm thanh từ nguồn phát âm đến tế bào thụ cảm âm thanh ở ốc tai  (1) Màng nhĩ (2) Xương tai giữa (3) Ốc tai (4) Ống tai ngoài À- (1) —► (4) —► (2) —► (3)   1. (4) - (2) - (l)- (3) c. (1) - (2) - (4) - (3)   R (4) - (í)-(2) - (3)  Câu 13: Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa là do  A. vi sinh vật gây viêm họng và vi sinh vật gây viêm tai giữa luôn cùng chủng loại với nhau.  R vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.  c. vi sinh vật gây viêm họng có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.  D. vì trẻ em viêm họng thường ở bẩn. |  |
| HS thực hiện nhiệm vụ | Học sinh trả lời câu hỏi |
| Báo cáo kết quả:   * Cho cả lóp trả lời; * Mời đại diện giải thích; * GV kết luận về nội dung kiến thức. |  |

**Hoạt động 6: Vận dụng (5 phút- giao** về **nhà cuối tiết 2 của bài)**

a. Mục tiêu: Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học, tuy truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.

1. Nội dung: Học sinh vận dụng kiến thức thực hiện nhiệm vụ.
2. Tìm hiểu các bệnh và tật về mắt trong trường học rồi hoàn thành thông tin bảng 37.1 SGK trang 156.
3. Thiết kế poster tuyên truyền cho mọi người cách chăm sóc, bảo vệ mắt.
4. Sản phẩm: Sản phẩm của học sinh.
5. Tổ chức thực hiện